

**CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN
BINH DIEN FERTILIZER
JOINT STOCK COMPANY**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 08 năm 2026
Ho Chi Minh City, 04th August, 2026*

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE**

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
To: State Securities Commission of Vietnam
Hochiminh Stock Exchange**

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Name of organization: BINH DIEN FERTILIZER JOINT STOCK COMPANY

- Mã chứng khoán/ Stock code: **BFC**

- Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, Xã Tân Nhựt, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Address: C12/21 Le Kha Phieu Street, Tan Nhut Commune, Ho Chi Minh City, Vietnam

- Điện thoại liên hệ/ Tel.: (84-28) 3756 0110 Fax: (84-28) 3756 0799

- E-mail: phanbon@binhdien.com

Website: www.binhdien.com

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2026.

Reviewed separate financial statements and consolidated financial statements for the first six months of 2026.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 04/08/2026 tại đường dẫn www.binhdien.com.

This information was published on the company's website on 04th August, 2026, as in the link www.binhdien.com.



Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

- Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2026.
- Reviewed financial statements for the first six months of 2026.

Đại diện tổ chức
Organization representative
Người được ủy quyền CBTT
Person authorized to disclose information



Trần Ngọc Hùng
Tran Ngoc Hung



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)

Công ty thành viên của JPA International

Trụ sở chính : 33 Phan Văn Khỏe, Phường Chợ Lớn, Tp.HCM

Tel : +84 (28) 3859 4168

Fax : +84 (28) 3859 2285

Email : contact@vietvalues.com

Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH – RIÊNG

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 05
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính (riêng) giữa niên độ	06 - 07
3. Báo cáo tình hình tài chính (riêng) giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026	08 - 09
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (riêng) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026	11
6. Bản thuyết minh báo cáo tài chính (riêng) chọn lọc cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026	12 – 38
7. Phụ lục số 01: Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	39

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 đã được soát xét của Công ty.

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền (tên giao dịch là: Binh Dien Fertilizer Joint Stock Company, tên gọi tắt là BFC) là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ doanh nghiệp nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 356/QĐ-HCVN ngày 6 tháng 6 năm 2008 của Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam (nay là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam) về việc cổ phần hóa Công ty Phân bón Bình Điền.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302975517 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 25 tháng 01 năm 2011.

Trong quá trình hoạt động công ty đã được cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 6 ngày 18 tháng 07 năm 2025.

Vốn điều lệ : 571.679.930.000 đồng (năm trăm bảy mươi một tỷ sáu trăm bảy mươi chín triệu chín trăm ba mươi ngàn đồng).

Công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là BFC.

2. Trữ sở hoạt động

• Trữ sở chính

Địa chỉ : C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh.
Điện thoại : +84 (28) – 3756 0110
Fax : +84 (28) – 3756 0799
Mã số thuế : 0 3 0 2 9 7 5 5 1 7

• Thông tin về đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy phân bón Bình Điền Long An	Khu công nghiệp Long Định – Long Cang, xã Long Cang, tỉnh Tây Ninh

• Thông tin về công ty con

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
				Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An	Khu Công nghiệp Long Định-Long Cang, xã Long Cang, tỉnh Tây Ninh	Thể thao, quảng cáo	100%	100%	100%	100%	100%	100%
2.	Công ty Cổ phần Bình Điền Lâm Đồng	Quốc lộ 20, xã Hiệp Thạnh, tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%	51%	51%	51%

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh.

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
				Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
3.	Công ty Cổ phần Bình Điền Mekong	Lô A10.1, đường D3, KCN Thành Thành Công, phường Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%	51%	51%	51%
4.	Công ty Cổ phần Bình Điền Quảng Trị	Lô 22 Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Linh, tỉnh Quảng Trị	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%	51%	51%	51%
5.	Công ty Cổ phần Bình Điền Ninh Bình	Khu công nghiệp Khánh Phú, phường Đông Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%	51%	51%	51%

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh các loại phân bón vô cơ, hữu cơ, vi sinh, vi lượng, các chất điều hòa tăng trưởng cho cây trồng, vật nuôi;
- Nghiên cứu sản xuất các loại phân bón (không sản xuất tại trụ sở doanh nghiệp);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón, công cụ máy nông nghiệp, giống cây trồng và các loại nông sản;
- Kinh doanh bất động sản, địa ốc.

4. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

- Hội đồng Quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Thiệu	Chủ tịch	29/04/2025	
Ông Đỗ Quang Huy	Thành viên	29/04/2025	
Ông Ngô Văn Đông	Thành viên	29/04/2025	
Ông Phan Văn Tâm	Thành viên	29/04/2025	
Ông Nguyễn Bảo Vệ	Thành viên	29/04/2025	

- Ban Kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Huy Hiếu	Trưởng ban	29/04/2025	
Bà Bùi Nguyễn Phương Anh	Thành viên	29/04/2025	
Ông Quán Đình Gang	Thành viên	29/04/2025	

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh.

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Ngô Văn Đông	Tổng Giám đốc	18/12/2025	
Ông Phan Văn Tâm	Phó Tổng Giám đốc	17/10/2023	
Ông Võ Văn Phú	Phó Tổng Giám đốc	19/06/2026	
Ông Lê Tuấn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	19/06/2026	
Ông Trần Ngọc Hùng	Kế toán trưởng	01/09/2022	

5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Ngô Văn Đông – Tổng Giám đốc Công ty.

6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 được thể hiện trong Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ từ trang 08 đến trang 39.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc giai đoạn tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ cho kỳ năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong giai đoạn tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh.

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ.

10. Phê duyệt các Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ

Chúng tôi, các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt các Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ kèm theo. Các báo cáo này đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ.

TM. Ban Tổng Giám đốc



NGÔ VĂN ĐÔNG

Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2026.

Số: 310701/26/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 31 tháng 7 năm 2026, từ trang 08 đến trang 39, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính (riêng) giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (riêng) giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (riêng) chọn lọc cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về thông tin tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính (riêng) của Công ty Cổ phần phân bón Bình Điền tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) và lưu chuyển tiền tệ (riêng) của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ rằng, phạm vi của báo cáo tài chính (riêng) này chỉ phản ánh tình hình tài chính (riêng) và các khoản đầu tư theo phương pháp giá gốc của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 cũng như kết quả kinh doanh (riêng) cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày. Việc hợp nhất báo cáo tài chính (riêng) của Công ty với các công ty con không thuộc phạm vi báo cáo này.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2026.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)



Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNDKHN số: 1512-2023-071-1

Chữ ký được ủy quyền

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.



BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

ĐVT: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.317.089.977.318	1.704.592.831.053
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	57.974.375.616	38.389.878.277
1. Tiền	111		57.974.375.616	38.389.878.277
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		440.754.845.794	459.017.660.239
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	372.958.503.976	375.350.522.445
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	11.360.244.834	13.376.004.530
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.4a	57.090.697.819	70.945.734.099
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	V.5	(654.600.835)	(654.600.835)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	1.678.013.927.948	1.112.725.195.954
1. Hàng tồn kho	141		1.678.013.927.948	1.112.725.195.954
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	142		-	-
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150			
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		140.346.827.960	94.460.096.583
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.7a	-	81.624.000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		140.283.151.731	92.914.565.725
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	V.15	63.676.229	1.463.906.858
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		465.465.858.042	476.265.813.498
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.898.841.545	3.898.841.545
1. Phải thu dài hạn khác	215	V.4b	3.898.841.545	3.898.841.545
II. Tài sản cố định	220		319.389.655.518	327.999.725.758
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	145.691.943.948	152.848.819.054
- Nguyên giá	222		480.860.685.567	475.275.945.751
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(335.168.741.619)	(322.427.126.697)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	1.396.764.021	1.553.186.601
- Nguyên giá	225		2.189.916.100	2.189.916.100
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(793.152.079)	(636.729.499)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	172.300.947.549	173.597.720.103
- Nguyên giá	228		205.758.734.308	205.758.734.308
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(33.457.786.759)	(32.161.014.205)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230			
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		19.876.502.688	4.927.245.300
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	V.11	19.876.502.688	4.927.245.300
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260	V.12	120.668.318.132	120.668.318.132
1. Đầu tư vào công ty con	261		115.937.211.500	115.937.211.500
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		11.661.918.871	11.661.918.871
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	264		(6.930.812.239)	(6.930.812.239)
VII. Tài sản dài hạn khác	270		1.632.540.159	18.771.682.763
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	V.7b	1.632.540.159	1.592.471.263
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		-	17.179.211.500
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		2.782.555.835.360	2.180.858.644.551

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tình hình tài chính (riêng) giữa niên độ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.505.207.209.154	1.015.065.735.883
I. Nợ ngắn hạn	310		1.505.207.209.154	1.015.065.735.883
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	102.797.573.715	128.684.654.500
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	839.547.235	6.650.962.678
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.15	118.468.356.643	135.676.722.948
4. Phải trả người lao động	315	V.16	49.715.642.615	69.108.034.686
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.17	96.089.547.758	117.442.184.896
6. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.18	6.249.663.036	7.524.960.551
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.19	1.077.230.580.601	513.684.579.044
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.20	53.816.297.551	36.293.636.580
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.277.348.626.206	1.165.792.908.668
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	1.277.348.626.206	1.165.792.908.668
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		571.679.930.000	571.679.930.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		571.679.930.000	571.679.930.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		174.241.212.793	174.241.212.793
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		10.145.220.457	10.145.220.457
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		521.282.262.956	409.726.545.418
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	420a		384.668.531.598	166.756.407.219
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		136.613.731.358	242.970.138.199
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.782.555.835.360	2.180.858.644.551

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2026

Người đại diện theo pháp luật

NGUYỄN THỊ LIÊN

TRẦN NGỌC HÙNG

NGÔ VĂN ĐÔNG



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	3.193.986.875.545	3.872.338.548.668
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	43.430.000.000	52.540.000.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		3.150.556.875.545	3.819.798.548.668
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	2.723.672.279.517	3.334.275.554.579
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		426.884.596.028	485.522.994.089
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.4	24.571.111.844	15.729.662.099
8. Chi phí tài chính	23	VI.5	30.467.976.515	8.214.286.102
- Trong đó: Chi phí lãi vay	24		26.766.194.322	7.588.735.496
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	187.087.373.167	231.285.303.755
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	66.635.970.917	62.371.527.122
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		167.264.387.273	199.381.539.209
12. Thu nhập khác	31		12.842.501	5.537.551
13. Chi phí khác	32		640.021.080	17.045.989
14. Lợi nhuận khác	40		(627.178.579)	(11.508.438)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		166.637.208.694	199.370.030.771
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	12.844.265.836	24.156.707.895
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		17.179.211.500	14.815.894.660
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		136.613.731.358	160.397.428.216
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8		
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8		

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2026

Người đại diện theo pháp luật

NGUYỄN THỊ LIÊN

TRẦN NGỌC HÙNG

NGÔ VĂN ĐÔNG



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH DIỄN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

DVT: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		166.637.208.694	199.370.030.771
2. Điều chỉnh cho các khoản			24.034.650.378	17.188.270.465
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	V.8,V.9	14.194.810.056	14.114.552.969
- Các khoản dự phòng	03	V.10	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(16.926.354.000)	(4.515.018.000)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	26.766.194.322	7.588.735.496
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		190.671.859.072	216.558.301.236
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(27.705.540.932)	(507.382.734.362)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(565.288.731.994)	126.225.633.926
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(73.184.523.013)	3.405.093.920
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		41.555.104	(1.688.768.367)
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(26.766.194.322)	(7.588.735.496)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(28.591.977.206)	(30.595.656.005)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		59.522.442	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(7.594.875.291)	(5.726.212.081)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(538.358.906.140)	(206.793.077.229)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(22.528.952.078)	(7.713.106.580)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		16.926.354.000	4.515.018.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(5.602.598.078)	(3.198.088.580)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	1.613.170.827.021	712.431.438.100
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(1.049.313.140.464)	(596.830.377.350)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.19	(311.685.000)	(492.060.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.21	-	(142.919.982.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		563.546.001.557	(27.810.981.750)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		19.584.497.339	(237.802.147.559)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	38.389.878.277	413.637.226.458
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	57.974.375.616	175.835.078.899

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2026

Người đại diện theo pháp luật

NGUYỄN THỊ LIÊN

TRẦN NGỌC HÙNG

NGÔ VĂN ĐÔNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG) CHỌN LỌC
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính (riêng) chọn lọc cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 của Công ty CP Phân bón Bình Điền (sau đây gọi tắt là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh các loại phân bón vô cơ, hữu cơ, vi sinh, vi lượng, các chất điều hòa tăng trưởng cho cây trồng, vật nuôi;
- Nghiên cứu sản xuất các loại phân bón (không sản xuất tại trụ sở doanh nghiệp);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón, công cụ máy nông nghiệp, giống cây trồng và các loại nông sản;
- Kinh doanh bất động sản, địa ốc.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
			Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1. Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An	Khu Công nghiệp Long Định-Long Cang, xã Long Cang, tỉnh Tây Ninh	Thể thao, quảng cáo	100%	100%	100%	100%	100%	100%
2. Công ty Cổ phần Bình Điền Lâm Đồng	Quốc lộ 20, xã Hiệp Thạnh, tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%	51%	51%	51%
3. Công ty Cổ phần Bình Điền Mekong	Lô A10.1, đường D3, KCN Thành Thành Công, phường Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%	51%	51%	51%
4. Công ty Cổ phần Bình Điền Quảng Trị	Lô 22 Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Linh, tỉnh Quảng Trị	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%	51%	51%	51%
5. Công ty Cổ phần Bình Điền Ninh Bình	Khu công nghiệp Khánh Phú, phường Đông Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình	Sản xuất và thương mại phân bón	51%	51%	51%	51%	51%	51%

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy Phân bón Bình Điền Long An	Khu công nghiệp Long Định – Long Cang, xã Long Cang, tỉnh Tây Ninh

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 473 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 496 nhân viên).

7. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính (riêng)

Lợi nhuận kỳ này giảm chủ yếu do doanh thu bán hàng sụt giảm, phản ánh doanh số tiêu thụ thấp hơn cùng kỳ, đồng thời chi phí lãi vay tăng đột biến do dư nợ vay và/hoặc mặt bằng lãi suất tăng, làm gia tăng chi phí tài chính. Do đó, lợi nhuận kế toán trước thuế giảm 16,42% so với cùng kỳ năm trước.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 06 tháng bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan hiện hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan hiện hành tại Việt Nam.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính (riêng) được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính này chỉ lập riêng cho công ty mẹ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026. Đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính (riêng) của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa Công ty và đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính (riêng).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Quyền kiểm soát tồn tại khi Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào Công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào Công ty con được trích lập khi Công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại Công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại Công ty con. Nếu Công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được (trừ Công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Công ty thực hiện theo dõi chi tiết các khoản phải thu theo từng đối tượng phải thu, kỳ hạn phải thu và nguyên tệ phải thu phù hợp với yêu cầu quản lý.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Các khoản phải thu bằng ngoại tệ được ghi nhận và đánh giá lại theo quy định áp dụng đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, căn cứ vào kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu, Công ty thực hiện phân loại và trình bày là tài sản ngắn hạn hoặc dài hạn theo quy định hiện hành.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán hoặc chưa đến hạn thanh toán nhưng có bằng chứng cho thấy khả năng không thu hồi được một phần hoặc toàn bộ khoản nợ.

Đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc có bằng chứng cho thấy khó có khả năng hoặc không có khả năng thanh toán, Công ty căn cứ mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra để xác định mức trích lập dự phòng phù hợp.

Trường hợp Công ty có bằng chứng tin cậy hơn hoặc có cơ sở xác định giá trị có thể thu hồi phù hợp hơn thì Công ty có thể áp dụng phương pháp khác để xác định mức dự phòng phải thu khó đòi theo quy định hiện hành.

Việc trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi được thực hiện tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Khoản trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu khó đòi đã được xử lý xóa sổ nhưng sau đó thu hồi được, số tiền thu hồi được ghi nhận vào thu nhập khác.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Phương pháp trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, khi có bằng chứng cho thấy giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc, Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định hiện hành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng loại hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được xác định theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

6. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh của các kỳ tương ứng theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Việc tính và phân bổ chi phí chờ phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tính chất và mức độ hưởng lợi của từng khoản chi phí, theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp phù hợp khác và được áp dụng nhất quán giữa các kỳ kế toán.

Công ty theo dõi chi tiết từng khoản chi phí chờ phân bổ theo từng nội dung chi phí, thời gian phân bổ, số đã phân bổ và số còn lại chưa phân bổ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chi phí chờ phân bổ của Công ty bao gồm các khoản chủ yếu sau:

Công cụ, dụng cụ

Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian dự kiến mang lại lợi ích kinh tế.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong không quá 36 tháng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ (-) hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự kiến của Công ty như chi phí vận chuyển, bốc xếp, lắp đặt, chạy thử, lệ phí trước bạ và các chi phí liên quan trực tiếp khác. Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng mua và các khoản thuế được hoàn lại được trừ khỏi nguyên giá tài sản.

Đối với tài sản cố định hình thành từ đầu tư xây dựng cơ bản, nguyên giá bao gồm giá quyết toán công trình và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh đến thời điểm đưa tài sản vào sử dụng. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng tài sản đủ điều kiện được vốn hóa theo quy định hiện hành.

Trường hợp mua tài sản cố định theo phương thức trả chậm, trả góp, nguyên giá tài sản được xác định theo giá mua trả tiền ngay tại thời điểm mua. Khoản chênh lệch giữa tổng số tiền phải thanh toán và giá mua trả tiền ngay được ghi nhận vào chi phí tài chính theo kỳ hạn thanh toán, trừ trường hợp được vốn hóa theo quy định.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định khi các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản, như nâng cấp, cải tạo làm tăng công suất, kéo dài thời gian sử dụng hữu ích hoặc nâng cao chất lượng sản phẩm. Các chi phí sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên nhằm duy trì hoạt động bình thường của tài sản được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được thanh lý, nhượng bán hoặc không còn sử dụng, nguyên giá và hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ. Chênh lệch giữa giá trị còn lại của tài sản và khoản thu từ thanh lý, nhượng bán được ghi nhận vào thu nhập khác hoặc chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng hữu ích ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao được Công ty xem xét định kỳ và điều chỉnh khi có sự thay đổi đáng kể về cách thức thu hồi lợi ích kinh tế từ tài sản.

Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các nhóm tài sản như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30
Máy móc và thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ (-) hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự kiến, bao gồm giá mua, các khoản thuế không được hoàn lại và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ trường hợp các chi phí này thỏa mãn đồng thời điều kiện làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai của tài sản và có thể xác định một cách chắc chắn, khi đó được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định vô hình.

Khi tài sản cố định vô hình được thanh lý hoặc nhượng bán, nguyên giá và hao mòn lũy kế được xóa sổ. Chênh lệch giữa giá trị còn lại của tài sản và khoản thu từ thanh lý, nhượng bán (nếu có) được ghi nhận vào thu nhập khác hoặc chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán của công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 06 năm.

9. Tài sản thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản được chuyển giao cho bên thuê. Việc phân loại thuê tài sản là thuê tài chính hay thuê hoạt động được căn cứ vào bản chất của các điều khoản trong hợp đồng thuê.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá trừ (-) hao mòn lũy kế. Nguyên giá của tài sản cố định thuê tài chính được xác định theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị hiện tại thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuê, cộng (+) các chi phí trực tiếp ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính.

Giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu được xác định theo lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê. Trường hợp không xác định được lãi suất ngầm định thì Công ty sử dụng lãi suất vay vốn biên tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản để chiết khấu.

Khoản thanh toán tiền thuê tài chính được phân bổ giữa chi phí tài chính và khoản nợ gốc phải trả theo phương pháp lãi suất thực tế nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ không đổi trên số dư nợ còn lại của khoản nợ thuê tài chính.

Chi phí tài chính phát sinh từ giao dịch thuê tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp được vốn hóa theo quy định hiện hành.

Tài sản cố định thuê tài chính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao áp dụng đối với tài sản cùng loại thuộc sở hữu của Công ty. Trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi kết thúc thời hạn thuê, tài sản được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian sử dụng hữu ích của tài sản.

Các tài sản thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc theo thời gian thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể là phương tiện vận tải được khấu hao với thời gian là 07 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh toàn bộ chi phí đầu tư xây dựng, mua sắm, lắp đặt, sửa chữa lớn, nâng cấp, cải tạo TSCĐ và BĐS đầu tư chưa hoàn thành, được ghi nhận theo giá gốc và theo dõi chi tiết theo từng công trình, hạng mục. Chỉ các chi phí trực tiếp cần thiết và đủ điều kiện vốn hóa mới được ghi tăng, bao gồm chi phí đi vay nếu đáp ứng điều kiện theo chuẩn mực liên quan; chênh lệch tỷ giá không được vốn hóa. Chi phí quản lý dự án và chi phí chung được phân bổ hợp lý theo tiêu thức phù hợp; trường hợp không thể thu hồi hoặc dự án bị hủy bỏ thì phần chênh lệch giữa chi phí và giá trị thu hồi được ghi nhận vào chi phí khác. Khi công trình hoàn thành, được nghiệm thu, toàn bộ giá trị được kết chuyển sang TSCĐ hoặc BĐS đầu tư theo mục đích sử dụng. Trong giai đoạn dở dang, tài sản không trích khấu hao. Trường hợp hoàn thành nhưng chưa phê duyệt quyết toán, doanh nghiệp ghi nhận theo giá tạm tính và điều chỉnh khi có quyết toán chính thức.

11. Phải trả người bán

Phải trả người bán phản ánh các khoản nợ mang tính chất thương mại phát sinh từ việc mua hàng hóa, dịch vụ, TSCĐ, BĐS đầu tư và các hợp đồng xây lắp. Khoản phải trả được ghi nhận khi doanh nghiệp có nghĩa vụ thanh toán hiện tại và được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, bao gồm cả các khoản đã ứng trước nhưng chưa nhận hàng hóa, dịch vụ hoặc khối lượng hoàn thành. Các khoản chiết khấu, giảm giá, hàng trả lại được ghi giảm công nợ tương ứng khi phát sinh.

12. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

Phải trả cổ tức, lợi nhuận phản ánh nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với cổ đông, thành viên góp vốn về cổ tức, lợi nhuận đã được phê duyệt phân phối nhưng chưa thanh toán. Khoản phải trả được ghi nhận khi Công ty không còn quyền từ chối nghĩa vụ chi trả theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả phản ánh các khoản chi phí đã phát sinh trong kỳ nhưng chưa có đủ chứng từ hoặc chưa thanh toán, bao gồm chi phí hàng hóa, dịch vụ đã nhận, tiền lương, nghỉ phép, chi phí ngừng sản xuất theo kế hoạch và lãi vay phải trả trích trước. Khoản chi phí phải trả được ghi nhận khi doanh nghiệp có nghĩa vụ hiện tại và xác định được một cách đáng tin cậy giá trị phải trả, đảm bảo phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

14. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả. Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

15. Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính phản ánh các khoản vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán liên quan của doanh nghiệp.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn hoặc dài hạn căn cứ vào kỳ hạn còn lại ($\leq$ hoặc > 12 tháng) và nghĩa vụ thanh toán tại thời điểm báo cáo.

Nợ thuê tài chính được ghi nhận theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay (phí thu xếp, thẩm định, hồ sơ...) được phân bổ theo thời hạn vay; lãi vay tuân thủ nguyên tắc vốn hóa theo chuẩn mực liên quan.

Doanh nghiệp theo dõi chi tiết theo từng khoản vay, từng hợp đồng, từng đối tượng cho vay và kỳ hạn để phục vụ quản lý và trình bày Báo cáo tài chính.

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế giá trị gia tăng: theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp: Thuế suất thuế TNDN hiện hành đơn vị áp dụng là 20%.

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

17. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được chủ sở hữu công ty phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông duyệt.

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch, doanh thu được xác định tương đối chắc chắn theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận, sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Doanh thu không bao gồm các khoản thuế gián thu phải nộp như thuế GTGT, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu và các khoản thu hộ bên thứ ba.

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm: phân bón các loại,...

Hàng hóa, thành phẩm của công ty là phân bón nguyên liệu và thành phẩm.

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu phí thương hiệu

Doanh thu phí thương hiệu được xác định với tỷ lệ 1,0% trên doanh thu bán ra sản phẩm thương hiệu đầu trâu của các công ty con.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu phát sinh trong kỳ, bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các khoản giảm trừ doanh thu được ghi nhận phù hợp với doanh thu của giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ.

20. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp và các chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán. Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu tương ứng theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho hao hụt, mất mát và các chi phí vượt mức bình thường được ghi nhận vào giá vốn hàng bán theo nguyên tắc thận trọng. Các khoản hoàn nhập dự phòng và các khoản giảm chi phí liên quan được ghi giảm giá vốn hàng bán.

21. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí và lỗ liên quan đến hoạt động tài chính của Công ty, bao gồm: chi phí đi vay không được vốn hóa, lỗ chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính, chi phí giao dịch bán chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính, chi phí mua chứng khoán kinh doanh, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ hoặc đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ, các khoản chiết khấu thanh toán cho người mua, và các khoản chi phí tài chính khác phát sinh trong kỳ. Chi phí tài chính được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ các khoản được vốn hóa theo quy định.

22. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của công ty.

23. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp được vốn hóa theo quy định. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần thời gian dài để hoàn thành và đưa vào sử dụng hoặc bán thì chi phí đi vay được vốn hóa vào nguyên

giá tài sản đó. Các khoản thu nhập phát sinh từ đầu tư tạm thời các khoản vay riêng được ghi giảm chi phí đi vay được vốn hóa.

Đối với các khoản vay chung có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, chi phí đi vay được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa áp dụng cho chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho tài sản đủ điều kiện vốn hóa trong kỳ. Tỷ lệ vốn hóa được xác định theo lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho việc hình thành một tài sản cụ thể.

24. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế được xác định như sau:

- Đối với các khoản phải thu: là tỷ giá mua chuyển khoản của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam;
- Đối với các khoản phải trả: là tỷ giá bán chuyển khoản của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam;
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua chuyển khoản của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam;
- Đối với các giao dịch mua bán ngoại tệ: là tỷ giá theo hợp đồng mua bán ngoại tệ ký kết với ngân hàng.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua/bán/chuyển khoản tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, là ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Trong đó:

- Tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua chuyển khoản, với tỷ giá 26.106 VND/USD;
- Nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán chuyển khoản, với tỷ giá 26.466 VND/USD.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính theo quy định hiện hành.

25. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành theo quy định của pháp luật thuế. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành bao gồm cả thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu (nếu có). Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các khoản chi phí không được trừ, các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển theo quy định của pháp luật thuế.

Thuế suất thuế TNDN hiện hành đơn vị áp dụng là 20%.

Thuế thu nhập hoãn lại

- Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản, nợ phải trả và cơ sở tính thuế tương ứng.

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận đối với các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính áp dụng tại thời điểm tài sản được thu hồi hoặc nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ trường hợp liên quan trực tiếp đến các khoản mục được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại không được bù trừ khi ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Doanh nghiệp phải tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo các khoản lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty (từ số) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (mẫu số).

Để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu, số phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty là các khoản lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho công ty mẹ sau khi được điều chỉnh bởi cổ tức của cổ phiếu ưu đãi, những khoản chênh lệch phát sinh do thanh toán cổ phiếu ưu đãi và những tác động tương tự của cổ phiếu ưu đãi đã được phân loại vào vốn chủ sở hữu.

27. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Doanh nghiệp tính giá trị lãi suy giảm trên cổ phiếu dựa trên số lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ.

Doanh nghiệp phải điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

28. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

29. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính năm của Công ty.

Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (RIÊNG) GIỮA NIÊN ĐỘ (ĐVT: VND)**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	986.019.354	914.003.641
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn ^(*)	56.988.356.262	37.475.874.636
Cộng	57.974.375.616	38.389.878.277

(*) Chi tiết tiền gửi như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tp.HCM	10.603.135.290	4.192.569
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tp.HCM	11.768.935.284	9.018.718.597
Tiền Việt Nam - Ngân hàng TMCP ĐT và Phát Triển Việt Nam – Chi nhánh Bến Nghé	16.624.569.195	2.140.141.220
Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Tân Định	11.296.351.554	11.434.684.128
Các ngân hàng khác	6.695.364.939	14.878.138.122
Cộng	56.988.356.262	37.475.874.636

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Chủ yếu là phải thu thương mại mua bán phân bón các loại.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu khách hàng là bên liên quan</i>	<i>325.790.300</i>	<i>300.018.750</i>
Công ty CP Bình Điền MeKong	325.790.300	300.018.750
<i>Phải thu khách hàng không là bên liên quan</i>	<i>372.632.713.676</i>	<i>375.050.503.695</i>
Công ty TNHH Yetak – Cambodia	122.858.950.824	199.529.469.350
Công ty TNHH MTV Thương mại Thịnh Thành Đắk Lắk	29.161.293.502	29.836.191.602
Công ty TNHH MTV Kim Hoàng Đồng Tháp	25.293.074.101	24.242.321.313
Công ty TNHH TM DV Phân bón Tuấn Vũ	44.065.093.338	12.553.355.325
Công ty TNHH Kim Ngoan	41.124.925.100	10.095.544.000
Phải thu các khách hàng khác	110.129.376.811	98.793.622.105
Cộng	372.958.503.976	375.350.522.445

Trong đó, nợ phải thu đã lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 654.600.835 đồng.

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho người bán là bên liên quan</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Trả trước cho người bán không là bên liên quan</i>	<i>11.360.244.834</i>	<i>13.376.004.530</i>
Công ty Cổ phần TM và Phân bón Gia Huy	2.175.000.000	-
Công ty TNHH Máy thiết bị và Xây dựng Hóa Chất	1.893.732.500	-
Trả trước cho các người bán khác	7.291.512.334	13.376.004.530
Cộng	11.360.244.834	13.376.004.530

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (riêng) chọn lọc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

4. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác**4.a Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu khác là bên liên quan	44.220.328.707	-	60.237.374.941	-
Công ty CP Bình Điền MeKong (phải thu phí thương hiệu, lãi chậm thanh toán)	31.369.051.953	-	35.077.881.307	-
Công ty CP Bình Điền Ninh Bình (phải thu phí thương hiệu, thu khác)	6.088.662.290	-	12.997.429.383	-
Công ty CP Bình Điền Lâm Đồng (phải thu phí thương hiệu)	5.491.009.895	-	10.232.356.715	-
Công ty CP Bình Điền Quảng Trị (phải thu phí thương hiệu, lãi chậm thanh toán)	1.271.604.569	-	1.929.707.536	-
Phải thu khác không là bên liên quan	12.870.369.112	-	10.708.359.158	-
Tạm ứng của nhân viên	1.040.242.958	-	341.445.914	-
Các khoản phải thu khác	11.830.126.154	-	10.366.913.244	-
Cộng	57.090.697.819	-	70.945.734.099	-

4.b Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu khác là bên liên quan	3.834.841.545	-	3.834.841.545	-
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	3.834.841.545	-	3.834.841.545	-
Phải thu khác không là bên liên quan	64.000.000	-	64.000.000	-
Phải thu dài hạn khác	64.000.000	-	64.000.000	-
Cộng	3.898.841.545	-	3.898.841.545	-

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Khả năng thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Khả năng thu hồi	Dự phòng
Dự phòng phải thu là bên liên quan	-	-	-	-	-	-
Dự phòng phải thu không là bên liên quan	654.600.835	-	(654.600.835)	654.600.835	-	(654.600.835)
Ban tự quản Buôn Eana (phải thu thương mại)	421.188.835	-	(421.188.835)	421.188.835	-	(421.188.835)
Các đối tượng khác	233.412.000	-	(233.412.000)	233.412.000	-	(233.412.000)
Cộng	654.600.835	-	(654.600.835)	654.600.835	-	(654.600.835)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(654.600.835)	(702.035.835)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối kỳ	(654.600.835)	(702.035.835)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (riêng) chọn lọc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu ⁽¹⁾	1.385.534.389.548	-	956.382.363.380	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	71.657.283.122	-	33.744.421.224	-
Thành phẩm ⁽²⁾	161.413.633.231	-	88.644.355.973	-
Hàng hóa	17.612.978.574	-	8.692.550.782	-
Hàng hóa đang đi đường ⁽³⁾	41.795.643.473	-	25.261.504.595	-
Cộng	1.678.013.927.948	-	1.112.725.195.954	-

⁽¹⁾ Nguyên liệu, vật liệu chủ yếu là nguyên liệu phân bón các loại: U-rê, DAP, cao lanh,...⁽²⁾ Thành phẩm là phân bón các loại.⁽³⁾ Hàng hóa trên đường vận chuyển để xuất khẩu.**7. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn/dài hạn****7.a Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	81.624.000
Cộng	-	81.624.000

Tình hình biến động chi phí trả trước ngắn hạn như sau:

Chi tiết	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	81.624.000	-
Tăng trong kỳ	4.539.375.212	3.558.981.592
Phân bổ trong kỳ	(4.620.999.212)	(3.558.981.592)
Số cuối kỳ	-	-

7.b Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công cụ dụng cụ đang sử dụng	25.074.696	38.751.798
- Chi phí phần mềm quản lý	1.607.465.463	1.553.719.465
Cộng	1.632.540.159	1.592.471.263

Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn như sau:

Chi tiết	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	1.592.471.263	785.375.664
Tăng trong kỳ	246.300.000	1.763.844.417
Phân bổ trong kỳ	(206.231.104)	(75.076.050)
Số cuối kỳ	1.632.540.159	2.474.144.031

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (riêng) chọn lọc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<i>Nguyên giá</i>					
Số đầu năm	210.222.090.189	230.677.214.422	23.936.866.632	10.439.774.508	475.275.945.751
Tăng trong kỳ	1.444.136.111	1.565.411.112	-	2.575.192.593	5.584.739.816
- Tăng do mua mới	263.812.963	1.565.411.112	-	2.575.192.593	4.404.416.668
- Tăng từ XDCB	1.180.323.148	-	-	-	1.180.323.148
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>211.666.226.300</u>	<u>232.242.625.534</u>	<u>23.936.866.632</u>	<u>13.014.967.101</u>	<u>480.860.685.567</u>
<i>Trong đó nguyên giá đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	59.614.491.437	80.591.124.156	8.731.099.252	7.157.775.726	156.094.490.571
<i>Giá trị hao mòn</i>					
Số đầu năm	144.956.589.584	155.213.634.004	13.993.020.539	8.263.882.570	322.427.126.697
Tăng trong kỳ	4.345.600.334	6.806.105.496	1.086.956.382	502.952.710	12.741.614.922
- Khấu hao trong kỳ	4.345.600.334	6.806.105.496	1.086.956.382	502.952.710	12.741.614.922
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>149.302.189.918</u>	<u>162.019.739.500</u>	<u>15.079.976.921</u>	<u>8.766.835.280</u>	<u>335.168.741.619</u>
<i>Giá trị còn lại</i>					
Số đầu năm	65.265.500.605	75.463.580.418	9.943.846.093	2.175.891.938	152.848.819.054
Số cuối kỳ	<u>62.364.036.382</u>	<u>70.222.886.034</u>	<u>8.856.889.711</u>	<u>4.248.131.821</u>	<u>145.691.943.948</u>

9. Tài sản cố định thuê tài chính

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
<i>Nguyên giá</i>		
Số đầu năm	2.189.916.100	2.189.916.100
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	<u>2.189.916.100</u>	<u>2.189.916.100</u>
<i>Trong đó nguyên giá đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	-
<i>Giá trị hao mòn</i>		
Số đầu năm	636.729.499	636.729.499
Tăng trong kỳ	156.422.580	156.422.580
Khấu hao trong kỳ	156.422.580	156.422.580
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	<u>793.152.079</u>	<u>793.152.079</u>
<i>Giá trị còn lại</i>		
Số đầu năm	1.553.186.601	1.553.186.601
Số cuối kỳ	<u>1.396.764.021</u>	<u>1.396.764.021</u>

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất lâu dài (*)	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	201.311.157.308	4.447.577.000	205.758.734.308
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	201.311.157.308	4.447.577.000	205.758.734.308
<i>Trong đó nguyên giá đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>		368.777.000	368.777.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	29.590.864.624	2.570.149.581	32.161.014.205
Khấu hao trong kỳ	991.872.558	304.899.996	1.296.772.554
Số cuối kỳ	30.582.737.182	2.875.049.577	33.457.786.759
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	171.720.292.684	1.877.427.419	173.597.720.103
Số cuối kỳ	170.728.420.126	1.572.527.423	172.300.947.549

(*) Quyền sử dụng đất cuối kỳ bao gồm:

- Khu đất tọa lạc tại C12/21 Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Công ty chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Giá trị đất được ghi nhận theo Quyết định số 32/QĐ-BTC ngày 03/01/2007 của Bộ Tài chính và Văn bản số 9402/BTC-QLCS ngày 12/8/2008 của Bộ Tài chính về việc phê duyệt phương án xử lý tổng thể các cơ sở nhà đất của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (Tổng công ty Hóa chất Việt Nam trước đây) tại Tp. Hồ Chí Minh. Năm 2019, Công ty đã di dời, không hoạt động trên khu đất này. Hiện nay, Nhà nước đang làm thủ tục thu hồi lại khu đất này.

- Quyền sử dụng đất số T00080/QSDĐ/0401-LA tọa lạc tại xã Long Cang, tỉnh Tây Ninh.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí/hoàn nhập trong kỳ	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang	4.927.245.300	16.129.580.536	(1.180.323.148)	-	19.876.502.688
Sửa chữa lớn TSCĐ	-	583.650.000	-	(583.650.000)	-
Cộng	4.927.245.300	16.713.230.536	(1.180.323.148)	(583.650.000)	19.876.502.688

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (riêng) chọn lọc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

12. Đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty là các khoản đầu tư góp vốn các công ty con và các đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	115.937.211.500	115.937.211.500	-	115.937.211.500	115.937.211.500	-
Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An ⁽¹⁾	5.000.000.000	5.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000	-
Công ty CP Bình Điền Lâm Đồng ⁽²⁾	27.138.986.173	27.138.986.173	-	27.138.986.173	27.138.986.173	-
Công ty CP Bình Điền Mekong ⁽³⁾	16.147.753.280	16.147.753.280	-	16.147.753.280	16.147.753.280	-
Công ty CP Bình Điền Quảng Trị ⁽⁴⁾	16.650.472.047	16.650.472.047	-	16.650.472.047	16.650.472.047	-
Công ty CP Bình Điền Ninh Bình ⁽⁵⁾	51.000.000.000	51.000.000.000	-	51.000.000.000	51.000.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	11.661.918.871	4.731.106.632	(6.930.812.239)	11.661.918.871	4.731.106.632	(6.930.812.239)
Công ty CP Du lịch Sài Gòn – Đông Hà ⁽⁶⁾	11.661.918.871	4.731.106.632	(6.930.812.239)	11.661.918.871	4.731.106.632	(6.930.812.239)
Cộng	127.599.130.371	120.668.318.132	(6.930.812.239)	127.599.130.371	120.668.318.132	(6.930.812.239)

(*) Đối với cổ phiếu có giá giao dịch, giá trị hợp lý được xác định theo giá đóng cửa tại ngày 30/06/2026 của các Sở giao dịch chứng khoán. Đối với cổ phiếu chưa lưu ký và không có giá giao dịch, giá trị hợp lý được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc khoản đầu tư với mức dự phòng. Mức dự phòng được xác định dựa vào Báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

- (1) Là khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An có trụ sở chính tại Khu công nghiệp Long Định - Long Cang, xã Long Cang, tỉnh Tây Ninh, với tỷ lệ góp vốn 100,00% vốn điều lệ.
- (2) Là khoản đầu tư vào Công ty CP Bình Điền Lâm Đồng, có trụ sở chính đặt tại Quốc lộ 20, xã Hiệp Thạnh, tỉnh Lâm Đồng, với tỷ lệ vốn góp là 51,00% vốn điều lệ.
- (3) Là khoản đầu tư vào Công ty CP Bình Điền MeKong có trụ sở chính đặt tại Lô A10.1, đường D3, KCN Thành Thành Công, phường Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, với tỷ lệ vốn góp là 51,00% vốn điều lệ.
- (4) Là khoản đầu tư vào Công ty CP Bình Điền Quảng Trị, có trụ sở chính đặt tại Lô 22 Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Linh, tỉnh Quảng Trị, với tỷ lệ góp vốn là 51,00% vốn điều lệ.
- (5) Là khoản đầu tư vào Công ty CP Bình Điền Ninh Bình, có trụ sở chính tại Khu công nghiệp Khánh Phú, phường Đông Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, với tỷ lệ góp vốn 51,00% vốn điều lệ.
- (6) Là khoản đầu tư vào Công ty CP Du lịch Sài Gòn – Đông Hà, có trụ sở chính đặt tại số 01 Bùi Thị Xuân, phường 2, phường Nam Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, với tỷ lệ góp vốn 6,28% vốn điều lệ.

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư vào công ty con, đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(6.930.812.239)	(6.500.603.603)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối kỳ	(6.930.812.239)	(6.500.603.603)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (riêng) chọn lọc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả người bán là bên liên quan</i>	3.550.725.000	1.121.074.122
Công ty Cổ phần Bình Điền – MeKong	1.390.725.000	463.575.000
Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An	2.160.000.000	189.000.000
Công ty Cổ phần Bình Điền – Ninh Bình	-	49.350.000
Công ty Cổ phần SX TM DV Mai Xá	-	167.399.122
Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội	-	251.750.000
<i>Phải trả người bán không là bên liên quan</i>	99.246.848.715	127.563.580.378
Chi nhánh Công ty CP SX và KD Phân bón Bình Điền II	51.045.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư SSG	8.208.364.200	-
Phải trả các người bán khác	39.993.484.515	127.563.580.378
Cộng	102.797.573.715	128.684.654.500

Trong đó, số quá hạn chưa thanh toán tại ngày 30/06/2026 là 0 đồng

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Người mua trả tiền trước là bên liên quan</i>	-	-
<i>Người mua trả tiền trước không là bên liên quan</i>	839.547.235	6.650.962.678
Công ty Cổ phần Đường Kon Tum	778.260.000	5.793.488.400
Các đối tượng khác	61.287.235	857.474.278
Cộng	839.547.235	6.650.962.678

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong kỳ</u>			<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Điều chỉnh khác</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT	-	25.445.607	-	-	-	-	25.445.607
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	4.080.023.609	(4.080.023.609)	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp(*)	19.516.262.583	-	12.844.265.836	(28.591.977.206)	-	3.768.551.213	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.200.722.479	-	6.820.170.599	(8.046.080.926)	-	12.184.775	37.372.622
Giá trị quyền sử dụng đất	114.687.620.655	-	-	-	-	114.687.620.655	-
Tiền thuê đất	-	1.438.461.251	4.068.333.650	(2.629.872.399)	-	-	-
Thuế nhà thầu	272.117.231	-	-	(272.117.231)	-	-	-
Các khoản thuế khác	-	-	-	(858.000)	-	-	858.000
Cộng	135.676.722.948	1.463.906.858	27.812.793.694	(43.620.929.371)	-	118.468.356.643	63.676.229

15.a Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với mặt hàng phân bón là 5%

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (riêng) chọn lọc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

15.b Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	166.637.208.694	199.370.030.771
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(102.822.411.500)	(78.586.491.300)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	8.000.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	(102.822.411.500)	(78.594.491.300)
+ Cổ tức nhận được	(16.926.354.000)	(4.515.018.000)
+ Chiết khấu thanh toán đã xuất hóa đơn	(85.896.057.500)	(74.079.473.300)
Thu nhập tính thuế	63.814.797.194	120.783.539.471
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	12.762.959.439	24.156.707.895
Thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu các năm trước	-	-
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước	81.306.397	-
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	12.844.265.836	24.156.707.895

16. Phải trả người lao động

Là tiền lương, thưởng còn phải trả người lao động.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là khoản trích trước chi phí chiết khấu, khuyến mãi, hỗ trợ bán hàng cho đại lý.

18. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả khác cho các bên liên quan	-	-
Phải trả khác các cá nhân, tổ chức khác	6.249.663.036	7.524.960.551
Kinh phí công đoàn	1.400.760.510	1.757.826.437
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4.848.902.526	5.767.134.114
Cộng	6.249.663.036	7.524.960.551

Trong đó: Số nợ quá hạn chưa thanh toán: 0 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (riêng) chọn lọc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn**19a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>1.077.230.580.601</i>	<i>1.077.230.580.601</i>	<i>513.061.209.044</i>	<i>513.061.209.044</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Bến Nghé ⁽¹⁾	378.278.104.097	378.278.104.097	181.133.784.053	181.133.784.053
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Tp. HCM ⁽²⁾	78.428.186.173	78.428.186.173	79.537.560.903	79.537.560.903
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tp.HCM ⁽³⁾	490.212.605.331	490.212.605.331	124.294.044.488	124.294.044.488
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Tân Định ⁽⁴⁾	130.000.000.000	130.000.000.000	128.095.819.600	128.095.819.600
<i>Nợ thuê tài chính đến hạn trả⁽⁵⁾</i>	<i>311.685.000</i>	<i>311.685.000</i>	<i>623.370.000</i>	<i>623.370.000</i>
Cộng	1.077.230.580.601	1.077.230.580.601	513.684.579.044	513.684.579.044

⁽¹⁾ Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Bến Nghé theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/5762220/HĐTD ngày 23 tháng 09 năm 2025 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bến Nghé và Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền:

Hạn mức tín dụng: 400.000.000.000 đồng.

Hình thức vay: tín chấp.

Thời hạn vay: theo từng lần nhận nợ trên giấy nhận nợ, dưới 12 tháng.

Lãi suất: theo từng khế ước nhận nợ.

Hiệu lực: đến ngày 23/09/2026

Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

⁽²⁾ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Tp.HCM theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 25.5229630/2025-HĐCVHM/NHCT900-BFC ngày 28 tháng 07 năm 2025:

Hạn mức tín dụng: 550.000.000.000 đồng.

Hình thức vay: tín chấp.

Thời hạn vay: theo từng lần nhận nợ trên giấy nhận nợ, dưới 12 tháng.

Lãi suất: theo từng khế ước nhận nợ.

Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

⁽³⁾ Thông tin khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tp.HCM như sau theo Hợp đồng cấp tín dụng số 22/486080/26-DN2/N-CTD ngày 10 tháng 03 năm 2026:

Hạn mức tín dụng: 700.000.000.000 đồng.

Hình thức vay: tín chấp.

Thời hạn vay: theo từng lần nhận nợ trên giấy nhận nợ, dưới 12 tháng.

Lãi suất: theo từng khế ước nhận nợ.

Hiệu lực: đến ngày 03/03/2027

Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (riêng) chọn lọc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

- (4) Thông tin khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Tân Định theo Hợp đồng tín dụng số 1602-LAV-202500788 ngày 08 tháng 10 năm 2025:

Hạn mức tín dụng: 130.000.000.000 đồng.

Hình thức vay: tín chấp.

Thời hạn vay: theo từng lần nhận nợ trên giấy nhận nợ, dưới 12 tháng.

Lãi suất: theo từng khế ước nhận nợ.

Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh phân bón năm 2025 - 2026.

- (5) Là khoản nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả theo các Hợp đồng sau:

Là khoản nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả theo các hợp đồng cho thuê tài chính số 90.23.10/CTTC ngày 08/12/2023 và Hợp đồng cho thuê tài chính số 90.23.11/CTTC ngày 08/12/2023, với số tiền thuê đến hạn còn phải trả tại ngày 30/06/2026 lần lượt là 135.855.000 đồng và 175.830.000 đồng. Thời hạn cho thuê của các hợp đồng này là 36 tháng, lãi suất xác định bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng hình thức trả lãi sau áp dụng đối với cá nhân do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm giải ngân đầu tiên và các thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 2,6%/năm.

Tình hình biến động các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Tiền vay phát sinh	Chuyển từ nợ dài hạn sang	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	513.061.209.044	1.613.170.827.021	-	(1.049.313.140.464)	1.076.918.895.601
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	623.370.000	-	-	(311.685.000)	311.685.000
Cộng	513.684.579.044	1.613.170.827.021	-	(1.049.624.825.464)	1.077.230.580.601

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận, thu khác (*)	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	36.293.636.580	25.117.536.262	(7.594.875.291)	53.816.297.551
Cộng	36.293.636.580	25.117.536.262	(7.594.875.291)	53.816.297.551

(*) Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 69/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2026.

21. Vốn chủ sở hữu**21.a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm.

21.b Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Số cuối kỳ	Tỷ lệ (%)	Số đầu năm
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	65,00	371.592.000.000	65,00	371.592.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	35,00	200.087.930.000	35,00	200.087.930.000
Cộng	100,00	571.679.930.000	100,00	571.679.930.000

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (riêng) chọn lọc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:	571.679.930.000
Vốn điều lệ đã góp:	571.679.930.000
Vốn điều lệ còn phải góp:	-

21.c Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	571.679.930.000	571.679.930.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	571.679.930.000	571.679.930.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chi	-	(142.919.982.500)

21.d Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	57.167.993	57.167.993
- Cổ phiếu phổ thông	57.167.993	57.167.993
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	57.167.993	57.167.993
- Cổ phiếu phổ thông	57.167.993	57.167.993
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000/Cp	10.000/Cp

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	150,928.06	22,061.85

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (RIÊNG) (ĐVT: VND)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu tiêu thụ thành phẩm	3.170.934.284.110	3.843.210.509.310
Phí thương hiệu	16.827.314.213	20.161.293.794
Doanh thu dịch vụ và khác	6.225.277.222	8.966.745.564
Cộng	3.193.986.875.545	3.872.338.548.668

Trong đó doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu tiêu thụ thành phẩm	16.101.314.571	22.691.723.481
Phí thương hiệu	16.827.314.213	20.161.293.794
Doanh thu khác	1.662.610.000	-
Cộng (*)	34.591.238.784	42.853.017.275

(*) Chi tiết doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số VII.3.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Kỳ này	Kỳ trước
Chiết khấu thương mại	43.430.000.000	52.540.000.000
Cộng	43.430.000.000	52.540.000.000

3. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn tiêu thụ thành phẩm	2.723.476.088.482	3.333.954.024.100
Giá vốn dịch vụ và khác	196.191.035	321.530.479
Cộng	2.723.672.279.517	3.334.275.554.579

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi	47.946.541	3.021.288.769
Cổ tức được chia từ các công ty con	16.926.354.000	4.515.018.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	7.557.408.653	8.193.355.330
Doanh thu tài chính khác	39.402.650	-
Cộng	24.571.111.844	15.729.662.099

5. Chi phí tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	26.766.194.322	7.588.735.496
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.701.467.252	625.550.606
Chi phí tài chính khác	314.941	-
Cộng	30.467.976.515	8.214.286.102

6. Chi phí bán hàng

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí cho nhân viên	10.779.262.137	11.515.848.213
Chi phí quảng bá thương hiệu, tiếp thị, hỗ trợ bán hàng	119.647.626.539	156.560.415.763
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.060.735.951	39.354.054.331
Chi phí bằng tiền khác	14.599.748.540	23.854.985.448
Cộng	187.087.373.167	231.285.303.755

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí cho nhân viên	22.536.897.542	23.660.278.450
Chi phí đồ dùng văn phòng	215.828.853	300.139.091
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.251.794.732	1.942.920.620
Thuế, phí, lệ phí và tiền thuê đất	4.068.333.650	2.397.435.413
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.135.662.778	33.687.387.715
Chi phí bằng tiền khác	427.453.362	383.365.833
Cộng	66.635.970.917	62.371.527.122

8. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

Chi tiêu này không trình bày trên báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền vì đây là Công ty mẹ, và được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của Tập đoàn theo quy định tại khoản 3.20 và 3.21, mục 2 – Nội dung và phương pháp lập báo cáo tài chính của Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.761.881.511.186	2.789.251.453.279
Chi phí nhân công	101.537.128.493	108.081.797.717
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.194.810.056	14.114.552.969
Chi phí dịch vụ mua ngoài	112.813.468.537	145.439.718.660
Chi phí bằng tiền khác	138.743.162.091	183.196.202.457
Cộng	3.129.170.080.363	3.240.083.725.082

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (ĐVT: VND)**1. Tài sản tiềm tàng**

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản tài sản tiềm tàng.

2. Nợ tiềm tàng

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản nợ tiềm tàng.

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (riêng) chọn lọc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

3.a Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm: Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng)

	Kỳ này	Kỳ trước
Hội đồng quản trị		
Nguyễn Văn Thiệu - CT.HĐQT	74.000.000	67.000.000
Ngô Văn Đông - TV.HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.070.483.846	467.142.000
Lê Quốc Phong - TV.HĐQT (miễn nhiệm ngày 29/04/2025)	-	53.555.000
Đỗ Quang Huy - TV.HĐQT	60.000.000	53.000.000
Phan Văn Tâm - TV. HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 29/04/2025)	853.445.385	376.731.000
Nguyễn Bảo Vệ - TV.HĐQT	60.000.000	53.555.000
Cộng	2.117.929.231	1.070.983.000
Ban Tổng Giám đốc		
Võ Văn Phú - Phó Tổng Giám đốc	820.945.385	385.731.000
Trần Ngọc Hùng - Kế toán trưởng	766.945.385	394.731.000
Cộng	1.587.890.770	780.462.000
Ban kiểm soát		
Trương Minh Phú - Trưởng BKS (miễn nhiệm ngày 29/04/2025)	-	379.400.000
Nguyễn Huy Hiếu - Trưởng BKS (bổ nhiệm ngày 29/04/2025)	60.000.000	44.000.000
Quản Đình Gang - TV. BKS	46.000.000	44.555.000
Bùi Nguyễn Phương Anh – TV.BKS (bổ nhiệm ngày 29/04/2025)	278.592.175	54.887.500
Cộng	384.592.175	522.842.500
Cổ tức trả cho người nội bộ	-	73.685.000

3.b Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

- Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ với Công ty
Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An	Là công ty con
Công ty CP Bình Điền Lâm Đồng	Là công ty con
Công ty CP Bình Điền Mekong	Là công ty con
Công ty CP Bình Điền Quảng Trị	Là công ty con
Công ty CP Bình Điền Ninh Bình	Là công ty con
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Là công ty mẹ (chiếm 65,00%)
Công ty CP DAP – VINACHEM	Công ty cùng tập đoàn Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
Công ty CP DAP 2 – VINACHEM	Công ty cùng tập đoàn Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
Công ty CP Xà Phòng Hà Nội	Công ty cùng tập đoàn Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Phân bón Bình Điền II	Có cùng nhân sự chủ chốt (ông Quản Đình Gang là Thành viên Ban kiểm soát đến ngày 20/3/2026)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 đường Lê Khả Phiêu, xã Tân Nhựt, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (riêng) chọn lọc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bên liên quan khác**Mối quan hệ với Công ty**

Công ty CP Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc

Có cùng nhân sự chủ chốt (ông Nguyễn Văn Thiệu là Chủ tịch HĐQT)

Công ty CP Cao su Đà Nẵng

Có cùng nhân sự chủ chốt (ông Nguyễn Huy Hiếu là Thành viên HĐQT)

Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình

Công ty cùng tập đoàn Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam

Công ty cùng tập đoàn Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

Công ty Cổ phần Bột Giặt Lix

Công ty cùng tập đoàn Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa Chất Cần Thơ

Công ty cùng tập đoàn Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam

Công ty cùng tập đoàn Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam

Công ty cùng tập đoàn Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

• Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An

Kỳ này**Kỳ trước**

- Công ty mẹ nhận dịch vụ quảng cáo và quảng bá thương hiệu

12.960.000.000

10.962.000.000

Công ty CP Bình Điền – Lâm Đồng

Kỳ này**Kỳ trước**

- Công ty mẹ thu phí thương hiệu

5.491.009.895

6.244.772.864

- Công ty mẹ ghi nhận cổ tức được chia

13.545.054.000

4.515.018.000

Công ty CP Bình Điền – MeKong

Kỳ này**Kỳ trước**

- Công ty mẹ thu phí thương hiệu

3.730.514.046

3.884.226.098

- Công ty mẹ bán hàng, gia công

18.702.168.100

22.161.035.999

- Công ty mẹ mua hàng hóa

4.172.175.000

3.532.000.000

- Công ty mẹ thu lãi chậm trả

7.219.000.000

-

- Công ty mẹ ghi nhận cổ tức được chia

3.381.300.000

Công ty CP Cổ phần Bình Điền – Quảng Trị

Kỳ này**Kỳ trước**

- Công ty mẹ thu phí thương hiệu

2.863.313.119

3.340.159.887

Công ty CP Bình Điền – Ninh Bình

Kỳ này**Kỳ trước**

- Công ty mẹ thu phí thương hiệu

6.088.662.290

8.171.765.667

- Công ty mẹ bán hàng

-

869.400.000

- Công ty mẹ ghi nhận cổ tức được chia

-

-

Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

Kỳ này**Kỳ trước**

- Công ty chia trả cổ tức

-

92.898.000.000

Công ty CP DAP - VINACHEM

Kỳ này**Kỳ trước**

- Công ty mua hàng

78.618.041.817

61.191.200.000

- Số dư với các bên liên quan khác đã được trình bày tại thuyết minh số V.2, V.4, V.13.

4. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Doanh thu của Công ty phát sinh trong kỳ chủ yếu từ hoạt động kinh doanh phân bón các loại.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Kỳ này	Nội địa	Xuất khẩu	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.370.434.691.156	780.122.184.389	3.150.556.875.545
Giá vốn hàng bán	1.999.927.744.618	723.744.534.899	2.723.672.279.517
Lợi nhuận gộp	370.506.946.538	56.377.649.490	426.884.596.028

Kỳ trước	Nội địa	Xuất khẩu	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.878.614.927.858	941.183.620.810	3.819.798.548.668
Giá vốn hàng bán	2.445.037.413.226	889.238.141.353	3.334.275.554.579
Lợi nhuận gộp	433.577.514.632	51.945.479.457	485.522.994.089

5. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản thế chấp cho các đơn vị khác cũng như tài sản nhận thế chấp từ các đơn vị khác tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2026.

6. Khả năng hoạt động và kinh doanh liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (riêng) không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính (riêng) cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả kinh doanh (riêng) của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật



NGUYỄN THỊ LIÊN

TRẦN NGỌC HÙNG

NGÔ VĂN ĐÔNG

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025					
Tại ngày 01/01/2025	571.679.930.000	159.164.641.339	10.145.220.457	355.213.104.081	1.096.202.895.877
2. Tăng trong kỳ	-	15.076.571.454	-	160.397.428.216	175.473.999.670
- Tăng từ KQKD	-	-	-	160.397.428.216	160.397.428.216
- Bổ sung từ lợi nhuận	-	15.076.571.454	-	-	15.076.571.454
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	(188.456.696.862)	(188.456.696.862)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	(15.076.571.454)	(15.076.571.454)
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(30.460.142.908)	(30.460.142.908)
- Chia cổ tức	-	-	-	(142.919.982.500)	(142.919.982.500)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2025	571.679.930.000	174.241.212.793	10.145.220.457	327.153.835.435	1.083.220.198.685
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026					
Tại ngày 01/01/2026	571.679.930.000	174.241.212.793	10.145.220.457	409.726.545.418	1.165.792.908.668
Tăng trong kỳ	-	-	-	136.613.731.358	136.613.731.358
- Tăng từ KQKD	-	-	-	136.613.731.358	136.613.731.358
- Bổ sung từ lợi nhuận	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	(25.058.013.820)	(25.058.013.820)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(25.058.013.820)	(25.058.013.820)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2026	571.679.930.000	174.241.212.793	10.145.220.457	821.282.262.956	1.277.348.626.206

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2026
Người đại diện theo pháp luật

NGUYỄN THỊ LIÊN

TRẦN NGỌC HÙNG

NGÔ VĂN ĐÔNG

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ